TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DSST
Ngày 24 - 9 - 2021
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị H Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Sơn Ngọc Ngoan

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vĩnh T, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 111/61F1 PNL, Khóm 3, phường 1, tp T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Pt, xã TM, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn ông Vĩnh T trình bày: Ông và bà H do trung gian giới thiệu nên ông có cho bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1, bà H vay số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất là 4%/ tháng (không nhớ rõ ngày vay tiền nhưng cách lần vay thứ hai khoảng nửa tháng.

Lần 2, ngày 02/11/2020 ông có cho bà Lê Thị Thu H vay thêm 60.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng.

Ông và bà H có làm hợp đồng vay mượn số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng vào ngày 02/11/2020 và có thỏa thuận nếu bà H không đóng lãi cho ông 03 tháng đầu của khoản vay 200.000.000 đồng (tính từ ngày 02/11/2020) thì ông có quyền bán thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10, diện tích 774 m^2, đất tọa lạc tại ấp Phú Thọ, xã Thanh Mỹ, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh. Bà H và ông có làm hợp đồng ủy quyền ngày 02/11/2020 ký tại Phòng công chứng số 1 tại tỉnh Trà Vinh.

Sau khi vay, bà H không có đóng lãi cho ông cũng không trả gốc cho ông được số tiền nào. Ông có nhiều lần gọi điện thoại nhưng bà H cố tình tránh mặt. Xét thấy hành vi của bà H không đóng lãi cho ông là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bà H.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu H trả cho ông số tiền vay 200.000.000 đồng cùng với lãi suất từ ngày vay 02/11/2020 đến 02/5/2021 là 06 tháng theo lãi suất 1,67 %/ tháng với số tiền bằng 20.040.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu các khoản nào khác. Ông không yêu cầu bà H trả lãi trễ hạn trên nợ lãi.

- Bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà H tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa triệu tập bà H nhưng bà H không có mặt cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản hoặc có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72 177, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vĩnh T.

Buộc bà Lê Thị Thu H trả cho ông số tiền vay 200.000.000 đồng cùng với lãi suất từ ngày vay 02/11/2020 đến 02/5/2021 là 06 tháng theo lãi suất 1,67 %/ tháng với số tiền bằng 20.040.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy đây là quan hệ giao dịch dân sự về vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay". Căn cứ vào "hợp đồng vay mượn" ngày 02/11/2020, bị đơn cư trú tại ấp Phú Thọ, xã Thanh Mỹ, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng : Đối với bị đơn bà Lê Thị Thu H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thu H kèm theo bản sao bộ hồ sơ khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên, bà H cố tình không hợp tác và không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Vĩnh T nên Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vĩnh T yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả lại số tiền gốc là 200.000.000 đồng: HĐXX xét thấy, việc vay nợ giữa các bên là do các bên tự thoả thuận với nhau về số tiền gốc và tiền lãi suất. Khi vay giữa ông Vĩnh T và bà Lê Thị Thu H có làm "Hợp đồng vay mượn" đề ngày 02/11/2020 thể hiện nội dung là bà H có mượn của ông Vĩnh T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, cụ thể 8.000.000 đồng/tháng, bà H cam kết sẽ đóng lãi hàng tháng vào ngày 02, nếu quá ba tháng mà bà H không đóng lãi thì ông T được quyền bán tài sản mà bà H đã làm hợp đồng ủy quyền cho ông T. Căn cứ vào hợp đồng vay mượn đề ngày 02/11/2020 mà ông T cung cấp cho Tòa án thể hiện việc vay tiền của bà H là có thật. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay vào các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, qua biên bản lấy lời khai bà Lê Thị Bích là người làm chứng việc vay tiền giữa ông T và bà H cũng xác nhận: Bà có chứng kiến việc ông T cho bà H vay số tiền vào ngày 02/11/2020 là 60.000.000 đồng, sau đó ông T và bà H mới thỏa thuận làm hợp đồng vay mượn thể hiện số tiền tổng cộng chung với lần trước là 200.000.000 đồng, hợp đồng vay mượn là do ông T viết và bà H ký tên, bà có ký tên chứng kiến vào hợp đồng vay mượn.

Do đó yêu cầu của ông T buộc bà H trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng là đúng với quy định với pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về mức lãi suất: Ông Vĩnh T yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả tiền lãi suất tính 1,67 %/tháng tính từ ngày vay 02/11/2020 đến 02/5/2021 là 06 tháng với số tiền bằng 20.040.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất của ông T yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi suất theo yêu cầu của ông T, cụ thể như sau:

200.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 6 tháng =20.040.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vĩnh T.

Buộc bà Lê Thị Thu H trả cho ông Vĩnh T tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 02/10/2020 đến ngày 02/5/2021 là 20.040.000 đồng. Tổng cộng là 220.040.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.002.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Vĩnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu T;
- Cc. THA DS H. Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Hồng Nhân